

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1133 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

*Căn cứ Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam do Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam làm Chủ đầu tư tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên;*

Xét Văn bản số 01/2023-MT ngày 05/01/2023 của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 02/2023-MT ngày 08/3/2023 của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam về việc hoàn thiện Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam và Hồ sơ đã hoàn thiện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam tại Lô IN3-10*C, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất Mochizuki Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô IN3-10*C, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4330084821 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 06/01/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0201288701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 09/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/09/2022.

1.4. Mã số thuế: 0201288701.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện, khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 11.250 m².

- Quy mô, công suất:

+ Sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện: 1.200 tấn/năm;

+ Khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm: 04 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm

2020.

2. Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 21 tháng 3 năm 2023 đến ngày 21 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi Trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *mu*

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND huyện Thủy Nguyên, UBND xã Lập Lễ;
- Công ty TNHH Công nghệ đột dập Mochizuki Việt Nam;
- Công ty TNHH VSIP Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT. *h*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

8A

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày .. tháng .. năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả ra ngoài môi trường).

- Công ty TNHH Công nghệ dệt dập Mochizuki Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng trong Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng số 001/2019/LA/MCSD-VSIP HP ngày 16/9/2019 với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ khu bếp nấu nhà ăn sau xử lý tại bể tách mỡ, cùng với nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu vệ sinh, nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà tắm chảy vào hố thu gom và được bơm vào bể tự hoại để xử lý. Toàn bộ nước thải sau xử lý tại bể tự hoại chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5,0 m³/ngày đêm của Dự án để tiếp tục xử lý trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ khu bếp nấu nhà ăn sau xử lý tại bể tách mỡ + Nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu vệ sinh + Nước thải sinh hoạt khác từ chậu rửa mặt, sàn nhà tắm → Hố thu gom nước thải → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó: Nước thải → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể lọc → Hộp hoá chất khử trùng (khử trùng bằng Chlorine) → Bể xả thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

- Công suất thiết kế:
- + 01 Bể tách mỡ có dung tích 2,4 m³.
- + 01 Bể tự hoại có dung tích 8,5 m³.
- + 01 Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 5,0 m³/ngày đêm.
- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Methanol (CH₃OH) hoặc Ethanol (C₂H₅OH); Chất keo tụ (Polytetsu hoặc PAC); Chất trung hoà (NaOH); Chất khử trùng Chlorine (TCCA).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết sơ đồ công nghệ và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.
- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.
- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể lắng; vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ.
- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.
- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.
- Khi việc kiểm tra, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải bị kéo dài đồng thời các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa nước thải thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường do đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại Văn bản số 10/STNMT-CCBVMT ngày 04/01/2023 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải của Dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Không có (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường do không có công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thường xuyên vệ sinh công nghiệp, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị sản xuất, chỉ sử dụng các phương tiện giao thông được kiểm định theo quy định.

3.2. Lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống điều hoà không khí để đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát cho người lao động.

3.3. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, ưu tiên sử dụng các loại dầu gia công thân thiện với môi trường và sức khỏe người lao động.

3.4. Tiến hành trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên, đảm bảo diện tích trồng cây xanh tối thiểu theo quy định.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị tại Dự án gồm: Khu vực đặt các máy đột dập để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện; khu vực đặt các máy mài, máy khoan, máy phay, máy cắt, máy cưa... để sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm; khu vực đặt các máy nén khí; khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực đặt các máy đột dập để sản xuất sản phẩm phụ kiện ô tô, phụ kiện điện. Toạ độ: X = 2313839.628 m; Y = 601102.508 m.

- Nguồn số 2: Khu vực đặt các máy mài, máy khoan, máy phay, máy cắt, máy cưa... để sản xuất khuôn dập kim loại và các phụ tùng kim loại đi kèm. Toạ độ: X = 2313795.574 m; Y = 601097.483 m.

- Nguồn số 3: Khu vực đặt các máy nén khí. Toạ độ: X = 2313787.906 m; Y = 601109.519 m.

- Nguồn số 4: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng. Toạ độ: X = 2313788.217 m; Y = 601086.825 m.

(theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 30)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt đệm tiêu âm, để chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây tiếng ồn, độ rung lớn.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị thường xuyên được vệ sinh, định kỳ được bảo dưỡng để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành theo đúng yêu cầu kỹ thuật và đúng công suất thiết kế.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày .. tháng .. năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại (gói hút ẩm)	Rắn	02 08 01	80
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	250
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu	Rắn	07 03 11	60
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,5
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	30
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	50
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	10
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	320
10	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ rửa sản phẩm, nước thải từ máy nén khí)	Lỏng	19 10 01	50
Tổng khối lượng				856,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, phế liệu phát sinh:

1.2.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Gỗ (thùng gỗ, pallet gỗ)	18 01 07	1.200
2	Giấy (bìa carton, giấy bọc, giấy in)	18 01 05	600

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
3	Kim loại (dây đai sắt, đinh ghim kẹp, chi tiết khuôn)		50
4	Nhựa (khay nhựa, bao bì nhựa)	18 01 06	300
5	Mực in văn phòng	08 02 06	0,5
6	Khác (túi nilon, màng bọc nilon, dây sợi buộc,...)		60
Tổng khối lượng			2.210,5

1.2.2. Khối lượng, chủng loại phế liệu (nguyên liệu thừa và sản phẩm lỗi không thể khắc phục) phát sinh: Khoảng **61.550 kg/tháng** (gồm đồng phế liệu: 61.000 kg/tháng; thép phế liệu: 550 kg/tháng).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 820 kg/tháng tương đương khoảng **9,8 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại gồm 02 ngăn có tổng diện tích khoảng 13,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại 01 tầng, có cửa ra vào khép kín, mái lợp tôn che kín nắng mưa, tường xây gạch, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải dạng lõng bên trong, có gờ chắn tại cửa; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải, ghi mã chất thải nguy hại, dán dấu hiệu cảnh báo và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.



2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, phế liệu:

2.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn và đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế gồm 02 ngăn có tổng diện tích khoảng 13,4 m² và 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế gồm 03 ngăn có tổng diện tích khoảng 20,2 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường 01 tầng, có mái lợp tôn, tường xây gạch, nền xi măng; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ phế liệu

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa đặt tại các vị trí phát sinh trong nhà xưởng và khu lưu giữ phế liệu.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí 02 khu lưu giữ phế liệu trong nhà xưởng chính có tổng diện tích khoảng 31,6 m².

- Phế liệu được thu gom, phân loại vào các thùng chứa và tập kết tại khu lưu giữ phế liệu trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh và khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí 01 khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 8,4 m².

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom vào các thiết bị lưu chứa tại khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMТ-BQL ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
